TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HS-ST
Ngày: 12/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMTÒA ÁN NHÂN DÂN THUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đở

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Dũng

Bà Huỳnh Thúy Liễu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phục Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Khang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 1968; Nơi sinh: Không xác định.

Tên gọc khác: Nguyễn Thanh N, Nguyễn Ngọc T;

Đăng ký thường trú: Không có nơi đăng ký thường trú;

Chỗ ở: Sống lang thang, không có chỗ ở ổn định;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh L (chết và bà Châu Thị Bích N1 (chết); Tiền sự: Không; Tiền án: 01 lần, ngày 29/7/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án hình sự sơ thẩm số 24/2008/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/11/2008. Bị cáo chưa nộp 50.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/4/2023, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Bà **Mai Thị Đ**, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2/ Bà **Trần Thị Bé N2**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **Trần Nguyễn ,** sinh năm 2000 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người làm chứng: Anh **Ngô Minh K**, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ, ngày 12 tháng 4 năm 2023, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô biển số 72F7-6953 đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm. Khi đến nhà bà Mai Thị Đ, ngụ ấp Đ, xã Đ thấy cửa nhà bà Đ mở và xung quanh không có ai nên bị cáo dừng xe lại đậu cặp lề lộ bê tông nông thôn rồi một mình lén lút đi vào lấy trộm được 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A17K của bà Đ để ở trên cái bàn trong nhà gần cửa buồng rồi bị cáo mang ra ngoài, điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường. Sau đó, bị cáo đã mang đi bán chiếc điện thoại OPPO A17K của bà Đ cho một người lạ không rõ họ tên, địa chỉ.

Ngày 23 tháng 4 năm 2023, bị cáo một mình điều khiển xe mô tô biển số 72F7-6953 đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm. Khi đến tiệm tạp hóa của bà Trần Thị Bé N2 ngụ ấp Đ, xã Đ thấy cửa nhà bà N2 mở, nhìn xung quanh không thấy ai nên bị cáo dừng xe lại đậu cặp lề lộ rồi một mình lén lút vào lấy trộm được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A32 màu tím của bà N2 để ở trên đầu tủ trong nhà rồi bị cáo mang ra ngoài, điều khiển xe mô tô rời khỏi hiện trường và đến ấp Đ, xã Đ (gần nhà bà Đ) thì bị K cùng một số người dân địa phương phát hiện báo cho Công an đến lập biên bản, đưa bị cáo về trụ sở Công an xã Đ làm việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 138/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện T kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A17K (không thu hồi được) có giá trị là 3.190.000 đồng (Ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A32 (thu hồi được) có giá trị là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại kết luận giám định số: 20/KLGĐ-KTHS-ĐV ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Phòng K1 Công an thành phố C, kết luận: Dấu vân tay do Công an huyện T thu được của bị cáo với dấu vân tay trong danh chỉ bản do Công an huyện C, tỉnh An Giang (theo Bản án số 24 ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành) là cùng một người in ra.

Đối xe mô tô biển số 72F7-6953 bị cáo mua lại của người khác nhưng không rõ họ tên, ở đâu vào tháng 7 năm 2022 với giá là 2.800.000 đồng, không có giấy đăng ký xe. Qua tra cứu thông tin chủ sở hữu xe mô tô là Bùi Thị Kim D, địa chỉ 1 L, phường A (nay là hẻm G đường 30 tháng 4, phường R), thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện tại qua điều tra xác minh không tìm được người tên Bùi Thị Kim D tại địa chỉ trên.

Đối với 01 (một) thẻ căn cước công dân, 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô biển số 95B1-402.19, 01 (một) giấy phép lái xe, 01 (một) thẻ ATM V đều mang tên Trần Nguyễn . Qua làm việc Nguyễn khai nhận vào ngày 22/4/2023 Nguyễn có bị mất 01 cái bóp bên trong có chứa các giấy tờ trên cùng với 01 điện thoại hiệu Iphone 11 và số tiền khoảng 700.000 đồng tại xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. N có trình báo công an xã V đang giải quyết vụ việc trên. Đồng thời Nguyễn xin nhận lại giấy tờ tùy thân.

Đối với 01 điện thoại hiệu Samsung A30 màu trắng quá trình điều tra xác định là của ông ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978, ngụ ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang mất trộm tháng 4 năm 2023. Hiện điện thoại trên đã chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P, tỉnh Hậu Giang giải quyết theo thẩm quyền.

Bà Nguyễn Thị Đông N3 là con ruột bị can P, đại diện cho bị cáo đã bồi thường cho bị hại Đ số tiền 2.500.000 đồng nên bà Đ không yêu cầu gì thêm.

Bị hại Nhản chỉ yêu cầu nhận lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A32, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS-TL ngày 11/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống như hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố. Đồng thời các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Bị hại Trần Thị Bé N2 yêu cầu được nhận lại điện thoại Samsung A32 và hộp đựng điện thoại, không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự bà đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần N xác định có bị mất Căn cước công dân, Giấy đăng ký xe môt tô biển số 95B1-402.19, Giấy phép lái xe, Thẻ ATM V nên anh yêu cầu được nhận lại.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thanh P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Mức án đề nghị: 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại xác định không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng:

- 01 điện thoại Samsung A32 và hộp đựng điện thoại Samsung A32 là tài sản của bà Trần Thị Bé N2 nên đề nghị trả lại cho bà N2;

- 01 hộp đưng điện thoại OPPO A17K là của bà Mai Thị Đ nên trả lại cho bà Đ;

- Căn cước công dân, Giấy đăng ký xe môt tô biển số 95B1-402.19, Giấy phép lái xe, Thẻ ATM V là của anh Trần N đề nghị trả lại cho anh Trần N;

- 01 điện thoại Nokia 6300 tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên đề nghị trả lại cho bị cáo;

- 01 điện thoại Realme màu xanh và số tiền 328.000đồng là tài sản mà bị cáo có được từ việc trộm cắp nên đề nghị tịch thu sung công;

- 01 nón kết màu đen, 01 khẩu trang màu đen, 01 cây lấy sim màu trắng, 05 bao thư bằng giấy ghi tên Nguyễn Thị H không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy;

- 01 xe mô tô biển số 72F7-6953 là phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa tìm được chủ sở hữu nên đề nghị cho thông báo tìm kiếm chủ sở hữu. Sau 01 năm không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận do cần tiền tiêu xài cá nhân nên đã nảy sinh ý định tìm những nơi có sự sơ hở về quản lý tài sản của người khác để lấy trộm. Tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt gồm: Điện thoại di động hiệu Samsung A32 của bà Mai Thị Đ có giá trị 3.190.000đồng và điện thoại di động hiệu OPPO A17K của chị

Trần Thị Bé N2 có giá trị 2.600.000đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt có giá trị là 5.790.000đồng.

[3] Lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với những chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của người bị hại người làm chứng trong quá trình điều tra nên hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 là có căn cứ.

[4] Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hậu quả của hành vi mà bị cáo đã thực hiện không chỉ xâm phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến an ninh công cộng và trật tự xã hội. Do đó, cần phải có một mức án thật nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, đồng thời phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo từng bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, nay tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý và thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại và người bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng:

- 01 điện thoại Samsung A32 và hộp đựng điện thoại Samsung A32 là tài sản của bà Trần Thị Bé N2 nên trả lại cho bà N2;

- 01 hộp đựng điện thoại OPPO A17K là của bà Mai Thị Đ nên trả lại cho bà Đ;

- Căn cước công dân, Giấy đăng ký xe môt tô biển số 95B1-402.19, Giấy phép lái xe, Thẻ ATM V là của anh Trần N nên trả lại cho anh N4;

- 01 điện thoại Nokia 6300 tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo;

- 01 điện thoại Realme màu xanh và số tiền 328.000đồng là tài sản mà bị cáo có được từ việc trộm cắp nên tịch thu sung công;

- 01 xe mô tô biển số 72F7-6953 là phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa tìm được chủ sở hữu nên giao cho Cơ quan thi hành án dân sự thông báo tìm kiếm chủ sở hữu. Sau 01 năm thông báo tìm kiếm mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công;

- 01 nón kết màu đen, 01 khẩu trang màu đen, 01 cây lấy sim màu trắng, 05 bao thư bằng giấy ghi tên Nguyễn Thị H không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định.

[10] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thanh P** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- *Áp dụng*: Khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt*: Bị cáo **Nguyễn Thanh P *01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù***. Thời hạn tù tính từ ngày 23/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 228 của Bộ luật dân sự 2015.

- Trả lại cho bà Trần Thị Bé N2 01 điện thoại Samsung A32 màu tím và hộp đựng điện thoại Samsung A32;

- Trả lại cho bà Mai Thị Đ 01 hộp đựng điện thoại OPPO A17K;

- Trả lại cho anh Trần N : 01 Căn cước công dân, 01 Giấy đăng ký xe môt tô biển số 95B1-402.19, 01 Giấy phép lái xe, 01 Thẻ ATM Vietcombank tất cả đều mang tên Trần N ;

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Nokia 6300;

- Tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh và số tiền 328.000đồng (theo biên lai thu tiền số 0005259 ngày 16/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai);

- Tịch thu tiêu hủy: 01 nón kết màu đen, 01 khẩu trang màu đen, 01 cây lấy sim màu trắng, 05 bao thư bằng giấy ghi tên Nguyễn Thị H;

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thông báo tìm kiếm chủ sở hữu xe mô tô hiệu MINGXING, biển số 72F7-6953, màu đỏ, số máy

1P50FMHY0249342, số khung MX110SY0082919. Sau 01 năm kể từ ngày thông báo mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Công an H. Thới Lai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Giúp Đở